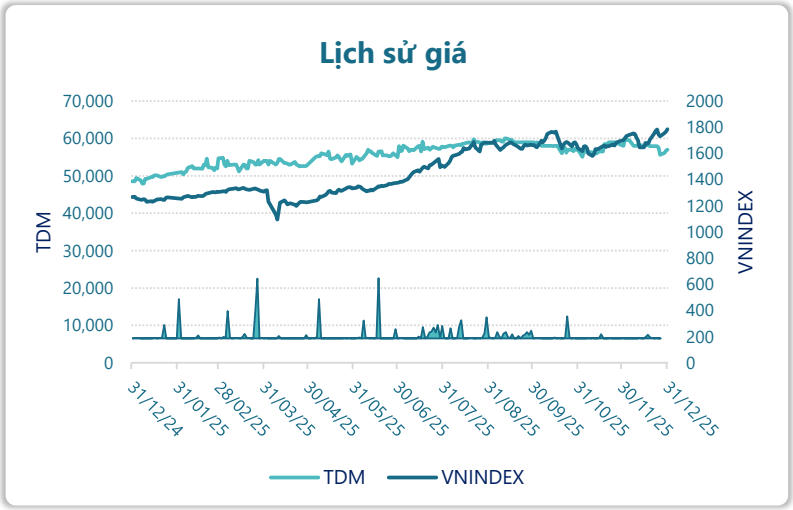
FireAnt

CTCP Nước Thủ Dầu Một (HSX: TDM)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**57,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	60,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,924
SL cổ phiếu LH	111,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,315
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,333
P/E	30.2
EPS	1,889

DT thuần

Q4/25

242

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 178| 278%

YoY: ▲ 97.0| 67.1%

LN sau thuế

Q4/25

10.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.26| 230%

YoY: ▼47.2| -82.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

49.2%

+/- YoY: ▲ 6.1%

DT thuần

2025

506

tỷ VNĐ

YoY: ▼38.0| -7.0%

LN sau thuế

2025

210

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00| 2.7%

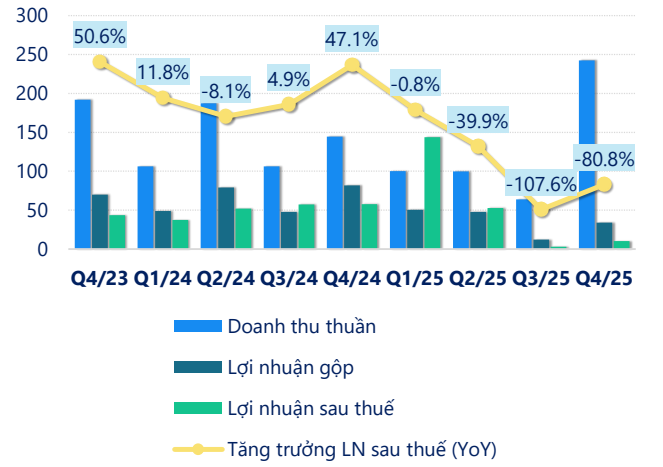
ROE

2025

8.2%

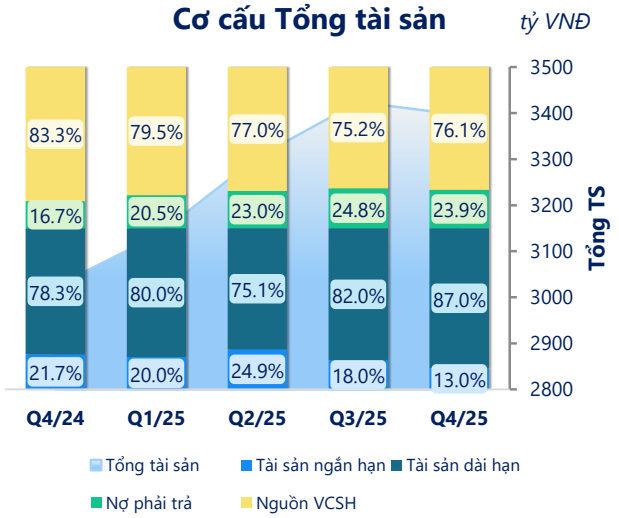
+/- YoY: ▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh



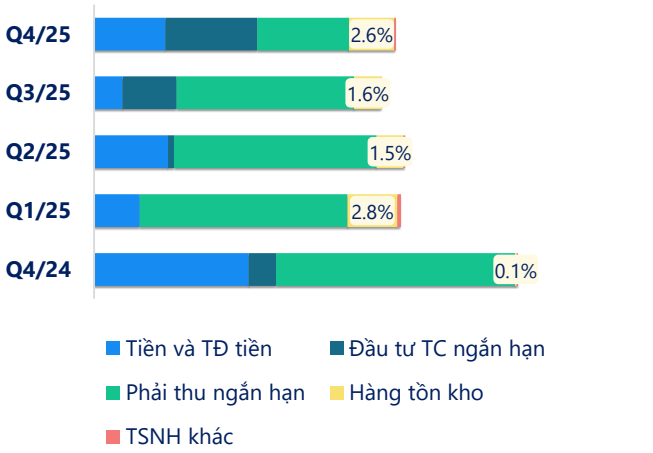
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



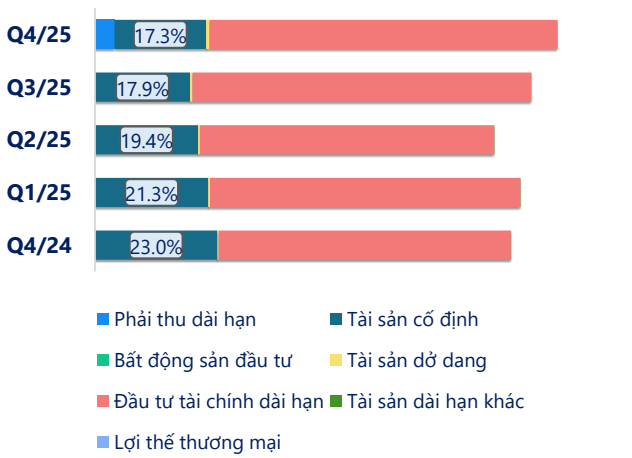
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



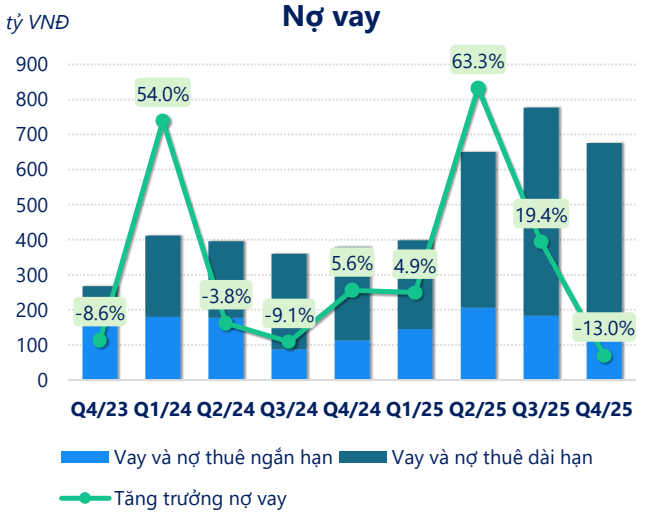
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



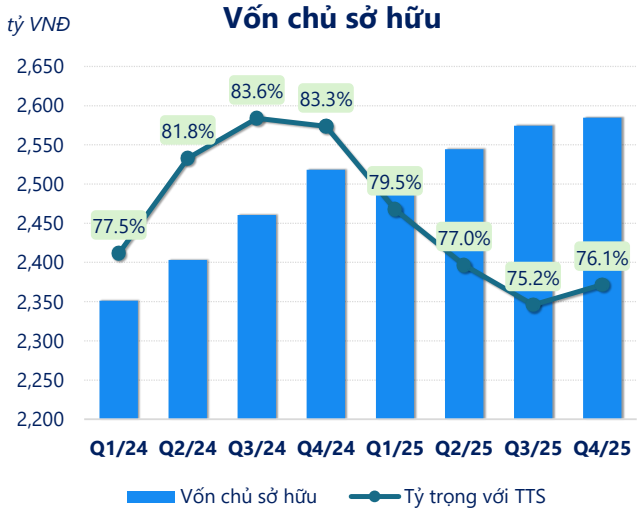
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



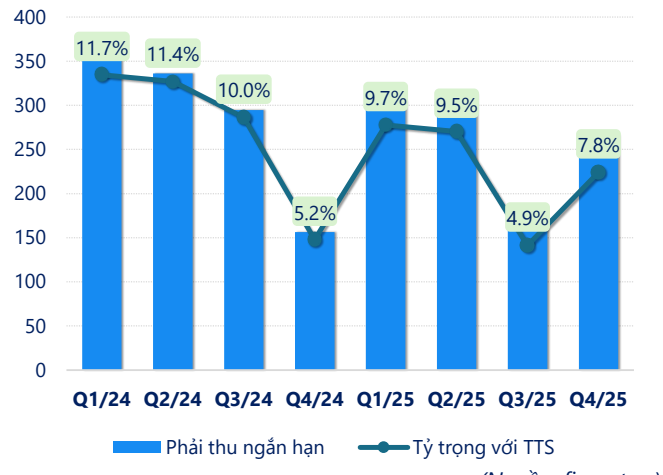
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



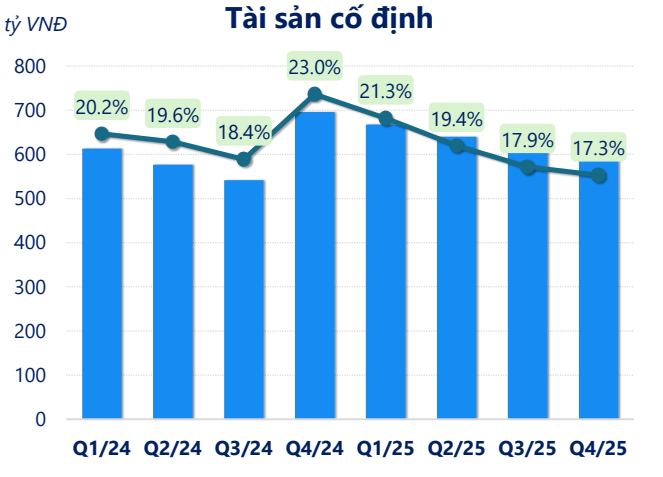
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



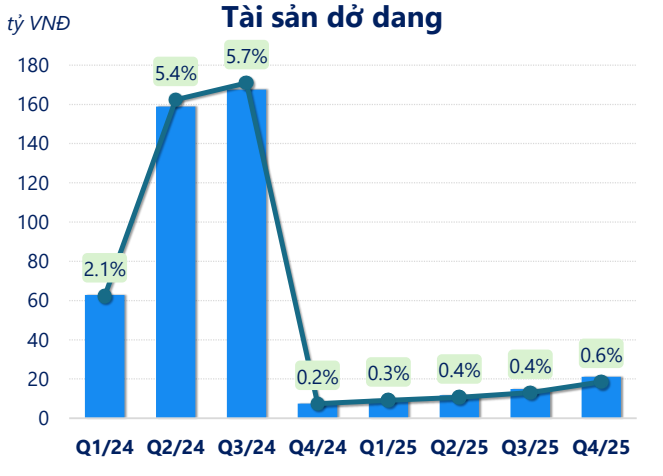
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



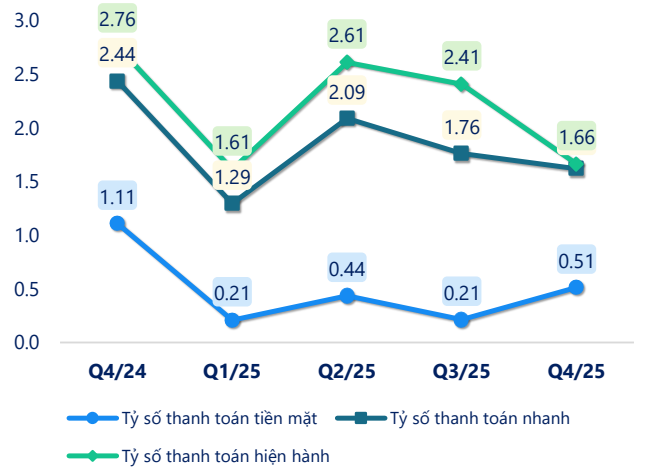
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



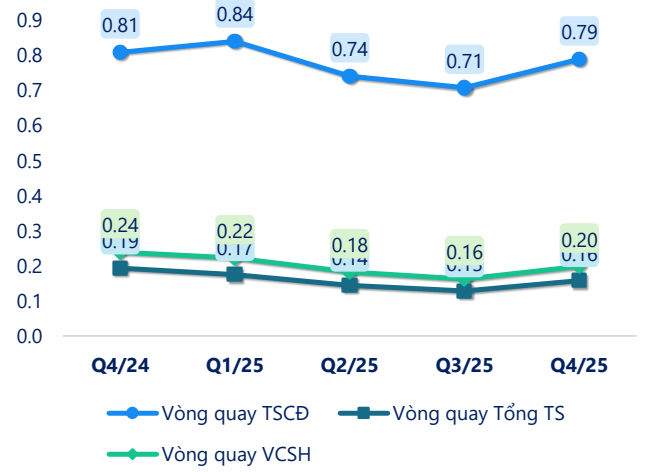
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**3,024**	**3,133**	**3,304**	**3,424**	**3,396**
Tài sản ngắn hạn	**657**	**626**	**823**	**616**	**443**
Tiền và tương đương tiền	264	80.8	138	54.6	137
Đầu tư tài chính ngắn hạn	157	113	204	221	27.5
Phải thu ngắn hạn	156	305	312	169	266
Hàng tồn kho	77.3	124	165	165	11.8
Tài sản ngắn hạn khác	2.93	4.50	4.76	5.76	0.72
Tài sản dài hạn	**2,366**	**2,507**	**2,481**	**2,808**	**2,953**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	124
Tài sản cố định	696	668	640	612	587
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.48	9.53	11.7	14.9	21.1
Đầu tư tài chính dài hạn	1,662	1,829	1,829	2,181	2,221
Tài sản dài hạn khác	0.48	0.33	0.61	0.39	0.42
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**505**	**641**	**760**	**850**	**811**
Nợ ngắn hạn	**238**	**388**	**315**	**256**	**266**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	145	206	183	131
Phải trả người bán ngắn hạn	6.57	8.80	6.08	4.91	2.67
Nợ dài hạn	267	253	445	594	545
Vay và nợ thuê dài hạn	267	253	445	594	545
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,518**	**2,492**	**2,544**	**2,574**	**2,585**
Vốn chủ sở hữu	**2,518**	**2,492**	**2,544**	**2,574**	**2,585**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,111	1,111
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)